

Bản tin Phân tích kỹ thuật

24/04/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G5000 đóng cửa trên đường MA20 và MA50 cho thấy tín hiệu vẫn nghiêng về phía tăng giá trong phiên 28/04. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua quanh 2.014 điểm, mục tiêu tại 2.027 điểm và xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 2.010 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 2.014 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.027 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.010 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Tích cực	Trung tính
VNSmall	Tích cực	Trung tính
HNX	Tích cực	Trung tính

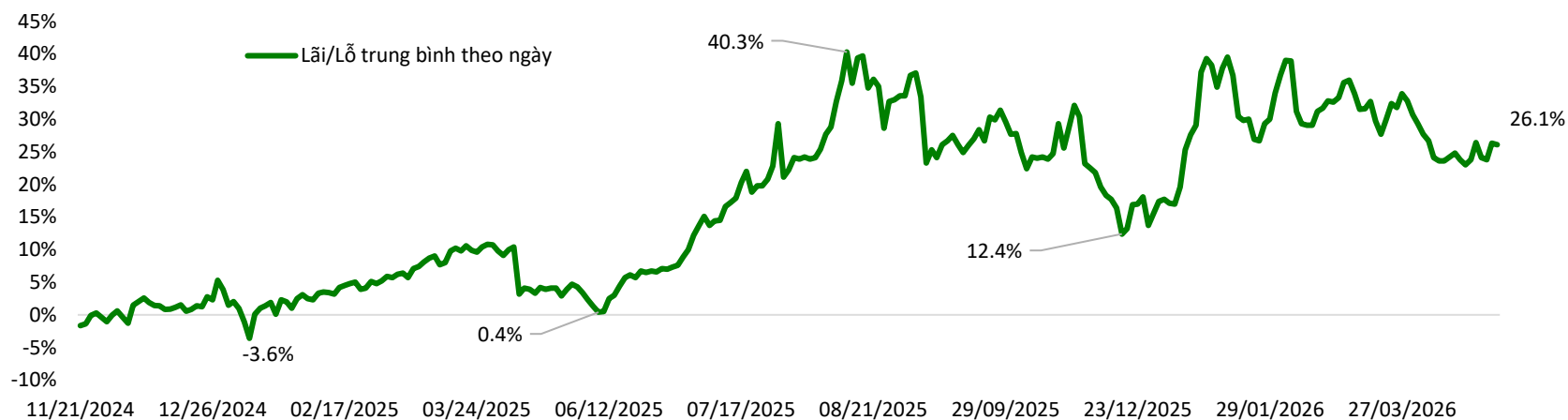


Nguồn: Vietcap

- Về hoạt động giao dịch, so với phiên 23/04, áp lực bán đã thuyên giảm. Ở chiều ngược lại, lực mua vẫn mang tính cục bộ, thậm chí thu hẹp hơn so với phiên trước. Đáng chú ý, khi VN-Index lùi về vùng hỗ trợ quanh 1.845 điểm, không ghi nhận sự lan tỏa rõ từ hoạt động mua giá thấp.
- VN-Index dao động trong biên độ 1.845–1.890 điểm như dự báo. Thanh khoản giảm mạnh cho thấy áp lực bán tiết chế và chỉ số vẫn đang trong quá trình điều tiết cung ngắn hạn. Theo đó, trong phiên 28/04, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục vận động trong vùng biên độ này.
- Tuy nhiên, áp lực điều chỉnh từ nhóm Vingroup đang gia tăng trong ngắn hạn, trong khi các nhóm kỳ vọng dẫn dắt như Ngân hàng, Bán lẻ, Tiêu dùng và Vật liệu vẫn chưa ghi nhận tín hiệu cải thiện từ lực mua giá thấp. Điều này làm gia tăng khả năng xuất hiện một nhịp điều chỉnh mạnh hơn về vùng 1.800 điểm.
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, xác suất vẫn nghiêng về kịch bản VN-Index tăng trở lại sau khi hoàn tất nhịp điều tiết trong vùng 1.845–1.890 điểm. Tuy nhiên, khả năng điều chỉnh về 1.800 điểm vẫn chưa thể loại trừ và cần được theo dõi sát trong các phiên tới.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CTD	10/04/2026		Đang mở	87,200	78,000	11.8%	75,100	88,000	79,000	
MBB	15/04/2026		Đang mở	26,200	26,600	-1.5%	26,000	28,600		
VPB	20/04/2026	24/04/2026	Dừng lỗ	27,250	28,050	-2.9%	27,250	30,500		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	141,200	-5.23%	4.05%	579,967	-6.799	10,200	2.4	13.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIC	212,100	-1.12%	12.88%	1,634,449	-4.095	1,468	11.1	144.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	60,600	-3.50%	1.85%	506,354	-3.973	4,210	2.3	14.4	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	34,250	2.85%	6.20%	242,704	1.551	3,677	1.4	9.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BID	40,750	-2.04%	1.12%	296,663	-1.357	4,257	1.8	9.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
CTG	35,000	-1.41%	0.43%	271,843	-0.857	4,455	1.5	7.9	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
VPL	81,500	-2.40%	-1.57%	146,154	-0.784	615	4.0	132.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VJC	180,500	3.20%	1.52%	106,786	0.766	3,728	4.3	48.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	33,350	2.30%	-0.45%	133,400	0.687	1,330	2.4	25.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCK	34,800	2.96%	1.16%	84,735	0.561	1,791	2.8	19.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	78,300	1.16%	-2.25%	188,934	0.492	4,730	2.9	16.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	26,200	-0.76%	-0.95%	211,041	-0.358	3,325	1.6	7.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
HDB	26,900	1.13%	2.67%	134,642	0.340	3,501	1.8	7.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	73,400	-1.21%	-3.42%	125,037	-0.339	5,515	3.4	13.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	47,000	-2.49%	3.30%	60,280	-0.336	3,754	2.7	12.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	93,300	-1.79%	-7.62%	83,950	-0.536	17,930	4.9	5.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	154,200	-2.41%	-4.81%	30,840	-0.265	9,851	6.0	15.7	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
PVI	74,800	-2.86%	-3.98%	17,521	-0.179	4,709	2.1	15.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,100	1.87%	-1.55%	19,485	0.130	3,616	1.3	10.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HUT	16,200	-1.82%	-2.41%	17,306	-0.112	514	1.6	31.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
NVB	10,900	0.93%	0.00%	20,978	0.069	0	1.5	185,109.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VIF	15,000	-3.23%	-6.25%	5,250	-0.060	933	1.1	16.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	59,100	-1.66%	-1.34%	10,108	-0.060	5,805	2.4	10.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	45,600	-0.87%	-7.13%	17,305	-0.054	5,090	2.7	9.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BAB	11,300	-0.88%	0.00%	12,115	-0.038	1,141	0.9	9.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	92,600	1.09%	-1.28%	283,099	5.282	3,056	6.9	30.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
CC1	35,000	-8.14%	-7.89%	14,080	-1.958	588	3.2	60.2	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAP	25,000	-10.39%	-3.85%	8,929	-1.586	-2,046	4.6	-12.2	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VBB	14,100	4.44%	2.92%	15,655	1.189	1,457	1.3	10.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	53,500	-0.93%	-1.47%	64,823	-1.026	1,622	4.6	33.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PHP	36,600	3.98%	2.81%	12,144	0.826	2,518	2.0	14.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DNH	46,000	2.22%	7.98%	19,430	0.738	2,166	3.8	21.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VEA	33,200	-0.90%	-0.60%	43,990	-0.673	5,380	1.6	6.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VIW	44,800	14.29%	38.27%	2,586	0.632	265	4.2	168.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ACV	44,700	-0.22%	-2.61%	159,843	-0.610	3,019	2.3	14.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

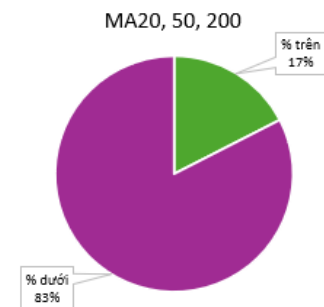
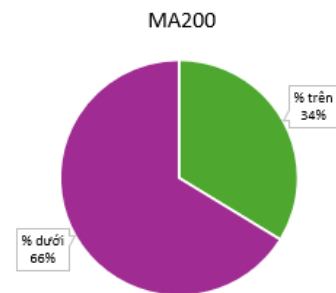
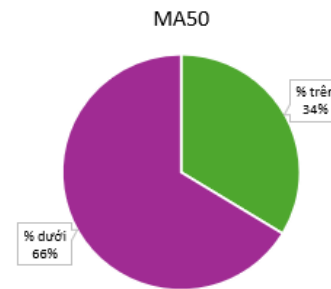
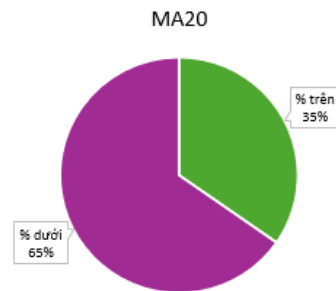
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NVL	19,450	1.3%	640.9	430.7	10,300	19,200	1.0	22.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VBB	14,100	4.4%	9.4	2.6	7,995	13,700	1.3	10.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCO	14,750	3.1%	5.6	6.5	8,280	14,300	1.2	12.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KDC	44,700	-4.5%	51.0	13.0	46,800	57,619	1.8	24.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	27,800	-1.9%	8.6	9.2	27,909	41,773	2.0	16.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TDH	4,550	6.8%	8.3	0.5	3,460	5,700	2.9	4.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DRI	13,700	6.2%	27.9	8.0	10,413	16,000	1.4	6.4	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			24/04/2026	23/04/2026	22/04/2026	21/04/2026	20/04/2026	17/04/2026	16/04/2026	15/04/2026
VNINDEX	MA200	Trên	30%	31%	31%	32%	34%	33%	32%	32%
		Dưới	70%	69%	69%	68%	66%	67%	68%	68%
	MA50	Trên	38%	37%	41%	39%	43%	39%	38%	40%
		Dưới	62%	63%	59%	61%	57%	61%	62%	60%
	MA20	Trên	42%	41%	46%	47%	58%	58%	56%	61%
		Dưới	58%	59%	54%	53%	42%	42%	44%	39%
VN30	MA200	Trên	40%	53%	43%	43%	50%	43%	40%	47%
		Dưới	60%	47%	57%	57%	50%	57%	60%	53%
	MA50	Trên	47%	57%	53%	53%	57%	50%	43%	50%
		Dưới	53%	43%	47%	47%	43%	50%	57%	50%
	MA20	Trên	60%	73%	80%	83%	87%	90%	83%	83%
		Dưới	40%	27%	20%	17%	13%	10%	17%	17%
HNX	MA200	Trên	34%	33%	37%	38%	38%	37%	37%	37%
		Dưới	66%	67%	63%	62%	62%	63%	63%	63%
	MA50	Trên	37%	37%	39%	37%	40%	38%	38%	37%
		Dưới	63%	63%	61%	63%	60%	62%	62%	63%
	MA20	Trên	34%	33%	37%	38%	38%	37%	37%	37%
		Dưới	66%	67%	63%	62%	62%	63%	63%	63%
UPCOM	MA200	Trên	30%	30%	31%	32%	32%	33%	33%	34%
		Dưới	70%	70%	69%	68%	68%	67%	67%	66%
	MA50	Trên	31%	32%	33%	31%	31%	32%	32%	33%
		Dưới	69%	68%	67%	69%	69%	68%	68%	67%
	MA20	Trên	36%	36%	36%	36%	36%	36%	37%	37%
		Dưới	64%	64%	64%	64%	64%	64%	63%	63%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 4																		Tháng 3	
		24	23	22	21	20	17	16	15	14	13	10	09	08	07	06	03	02	01	31	30
1	Bất động sản	64	62	64	64	66	67	68	67	64	60	63	62	57	47	48	51	53	50	47	48
2	Xây dựng và Vật liệu	62	59	61	60	61	59	60	64	63	58	62	59	52	43	45	48	52	54	52	50
3	Ngân hàng	59	59	57	57	55	53	53	57	56	53	57	57	50	36	36	35	39	41	37	35
4	Tài nguyên Cơ bản	58	58	63	62	64	58	59	61	54	51	58	57	52	45	45	47	48	48	50	50
5	Thực phẩm và đồ uống...	58	58	57	57	56	53	52	53	51	52	55	54	50	40	40	36	39	38	38	37
6	Bán lẻ	55	58	64	63	63	59	57	57	58	55	62	62	55	47	48	50	53	57	54	53
7	Ô tô và phụ tùng	52	51	54	55	53	50	51	52	53	53	52	51	49	45	47	51	50	49	50	50
8	Hàng & Dịch vụ Côn...	51	51	51	48	45	45	45	48	49	49	52	53	50	45	40	42	44	45	43	41
9	Du lịch và Giải trí	50	56	58	61	57	57	57	50	45	44	45	47	46	39	38	40	41	38	34	33
10	Hàng cá nhân & Gia ...	47	50	54	52	51	49	50	49	51	45	47	51	42	34	34	37	39	41	43	44
11	Hóa chất	46	46	49	47	45	40	39	42	41	42	43	42	38	34	37	40	39	38	38	40
12	Dịch vụ tài chính	42	44	47	48	51	51	54	55	54	50	53	56	49	37	34	41	44	39	34	34
13	Dầu khí	36	36	38	38	37	38	37	38	41	42	39	39	40	38	41	43	44	46	48	49
14	Điện, nước & xăng d...	34	37	41	43	48	49	49	52	52	53	53	53	54	49	51	52	55	58	59	61
15	Công nghệ Thông tin	26	26	27	24	24	20	23	26	27	23	26	30	21	15	16	17	18	15	14	16
16	Bảo hiểm	25	22	25	27	32	33	37	42	44	42	50	55	55	51	58	63	61	59	57	57

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	212,100	-1.1%	12.9%	1,634,449	11.1	144.5	1,468	909.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	26,900	1.1%	2.7%	134,642	1.8	7.7	3,501	401.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	180,500	3.2%	1.5%	106,786	4.3	48.4	3,728	279.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVL	19,450	1.3%	14.1%	43,461	1.0	22.0	884	640.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VBB	14,100	4.4%	2.9%	15,655	1.3	10.0	1,457	9.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHC	62,400	0.6%	1.8%	14,006	1.5	9.9	6,319	61.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	36,600	4.0%	2.8%	12,144	2.0	14.8	2,518	8.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	36,700	-0.7%	1.4%	11,158	2.8	83.5	440	75.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	23,150	-2.7%	6.4%	10,879	1.3	10.5	2,208	155.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTD	87,200	0.6%	10.7%	9,751	1.0	12.4	7,033	75.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TOS	192,000	0.0%	6.4%	8,691	3.8	8.6	22,600	9.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNG	7,100	2.9%	10.9%	7,675	7.4	-7.8	-890	80.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPG	44,250	5.1%	4.6%	5,247	2.4	14.1	3,135	92.6	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DPR	41,050	1.5%	0.2%	3,567	1.4	12.3	3,325	18.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VIW	44,800	14.3%	38.3%	2,586	4.2	168.1	265	6.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVP	18,000	0.3%	16.9%	1,867	0.9	8.0	2,253	30.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DRI	13,700	6.2%	5.4%	1,005	1.4	6.4	2,150	27.9	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính
VTO	12,200	2.1%	4.3%	974	0.8	7.4	1,659	6.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NRC	6,800	1.5%	4.6%	630	0.6	71.4	95	16.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TDH	4,550	6.8%	22.0%	513	2.9	4.7	963	8.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KDC	44,700	-4.5%	-6.9%	12,954	1.8	24.8	1,803	51.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	22,450	-6.8%	-15.8%	9,233	1.4	8.9	2,532	31.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
ACB	23,400	-0.4%	-1.5%	120,198	1.2	7.4	3,167	409.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SHB	14,750	-0.3%	-3.6%	74,533	1.1	5.7	2,588	659.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VPX	27,600	-0.2%	-4.0%	51,750	1.5	12.2	2,263	23.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	16,650	-0.3%	-1.2%	47,369	1.2	8.6	1,938	31.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIX	16,600	-1.5%	-5.1%	40,675	1.9	5.0	3,352	283.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	62,300	0.2%	-3.3%	33,745	1.6	13.3	4,669	32.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
KDH	25,600	0.0%	-1.7%	28,729	1.6	27.3	936	58.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	144,500	-1.5%	-5.0%	24,609	5.9	31.0	4,667	53.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	43,850	0.0%	-4.7%	19,660	2.3	14.0	3,130	13.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	19,600	0.0%	-3.4%	19,618	2.3	10.9	1,806	39.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	16,200	-1.8%	-2.4%	17,306	1.6	31.5	514	19.2	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
SHS	16,900	-0.6%	-6.6%	15,201	1.2	11.6	1,463	110.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	27,650	-1.1%	-3.2%	13,413	1.1	15.3	1,805	60.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	26,600	-0.2%	-4.7%	9,841	1.4	12.8	2,082	50.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
FTS	26,450	-0.2%	-4.0%	9,165	2.0	22.6	1,173	10.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VSC	22,200	0.5%	-5.3%	8,311	1.5	24.3	915	63.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ORS	13,150	0.0%	-2.2%	8,205	1.1	33.6	391	8.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IJC	10,150	-0.5%	-2.4%	6,390	0.8	7.1	1,437	8.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	13,800	-1.43%	-2.47%	25,500	82.1%	357	1.1	38.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	25,600	0.00%	-1.73%	43,700	70.7%	936	1.6	27.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	53,300	-0.37%	-2.20%	91,200	70.5%	7,965	1.3	6.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
NLG	27,650	-1.07%	-3.15%	45,800	63.9%	1,805	1.1	15.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	73,400	-1.21%	-3.42%	116,600	56.9%	5,515	3.4	13.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,100	1.87%	-1.55%	58,100	55.3%	3,616	1.3	10.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BMI	15,050	-0.33%	-3.83%	23,100	53.0%	1,708	0.8	8.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	27,700	-1.07%	-4.81%	42,400	51.4%	1,309	1.6	21.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	43,850	0.00%	-4.67%	64,100	46.2%	3,130	2.3	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	27,700	-0.89%	-2.98%	40,800	46.0%	2,153	1.8	12.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	22,400	-0.44%	-3.86%	31,900	41.8%	334	1.5	67.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,250	-0.55%	-3.54%	38,000	38.7%	3,314	1.2	8.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEX	39,800	0.63%	2.05%	54,000	36.5%	1,638	2.0	24.3	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
ACB	23,400	-0.43%	-1.47%	32,000	36.2%	3,167	1.2	7.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HDG	26,600	-0.19%	-4.66%	36,200	35.8%	2,082	1.4	12.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ACG	33,200	-2.06%	-2.50%	45,800	35.1%	3,342	1.2	9.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	43,200	-0.69%	-0.92%	58,700	34.9%	4,506	1.6	9.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DCM	41,650	-4.03%	-8.26%	57,600	32.7%	3,702	2.1	11.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	26,200	-0.76%	-0.95%	35,000	32.6%	3,325	1.6	7.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
HPG	27,900	0.36%	-0.36%	36,600	31.7%	2,013	1.7	13.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn